

BÁO CÁO
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, CHI
TRẢ CỔ TỨC VÀ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 20/06/2020, có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Công văn số 4030/UBND-TH, ngày 25 tháng 04 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất các nội dung đề Người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 1196 /STC-GCS&DN ngày 15 tháng 04 năm 2022 về thống nhất các nội dung đề người Đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 đã được UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế; Công văn số 1331/STC-GCS&DN về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại Công ty theo đúng luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

Căn cứ Điều lệ bổ sung lần thứ hai thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 28/04/2021;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt về việc thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính của Công ty năm 2021 và phát hành báo cáo đã kiểm toán ngày 21/03/2022.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về báo cáo các chỉ tiêu tài chính, phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

1. Báo cáo một số chỉ tiêu tài chính năm 2021:

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Doanh thu thuần về HĐKD	Đồng	325.364.314
2	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	Đồng	12.137.703
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	Đồng	10.545.685
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn Điều lệ	%	20,22
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế trên VDL	%	17,57
6	Nộp ngân sách Nhà nước(số đã nộp)	Đồng	26.927.781

7	TSCĐ (các công trình phúc lợi công cộng Nhà nước giao quản lý), số cuối năm 2021	Đồng	481.677.465
8	TSCĐ (tính khấu hao, hạch toán vào chi phí HĐSXKD), số cuối năm 2021	Đồng	27.326.628
9	Khấu hao TSCĐ năm 2021	Đồng	5.898.760
11	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = TS ngắn hạn/ nợ ngắn hạn): 142.092.940.959: 81.462.370.697 = 1,74 lần	Lần	1,74 lần
12	Tỷ lệ trả cổ tức năm 2021 là: 8,79%/VĐL	%/VĐL: 60tỷ	8,79%

Nhận xét, đánh giá về tình hình tài chính năm 2021:

- Trong năm 2021, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có những khó khăn nhất định; Tình hình dịch bệnh Covid - 19 kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Trong đó giảm các khoản doanh thu thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố Huế, do các cơ sở kinh doanh không hoạt động. Tuy nhiên, đánh giá một cách tổng thể về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì doanh thu thực hiện năm 2021 tăng hơn so với kế hoạch 2021 là 14,05%, doanh thu tăng là do tăng lượng rác thải thu gom từ các khu cách ly trên địa bàn toàn tỉnh, rác thải nguy hại tại Bệnh viện Trung ương Huế và doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản do Tỉnh và Thành phố giao thực hiện hoàn thành trong năm 2021. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp chỉ đạo tiết kiệm chi phí, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện khoán các khoản chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ, chi phí điện thoại, chi phí văn phòng phẩm và một số các khoản chi phí liên quan khác để đảm bảo lợi nhuận thực hiện sau thuế tăng hơn so với năm trước, dự kiến cổ tức được chia năm 2021 là 8,79%/Vốn điều lệ. Công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo quy chế quản lý tài chính công ty; quy chế chi tiêu nội bộ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Điều lệ Công ty và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu vốn sản xuất. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ kịp thời cho CBCNV và người lao động theo đúng chế độ chính sách hàng năm.

- Thực hiện nhiều biện pháp và giải pháp về quản lý các khoản nợ phải thu và nợ phải trả. Do đó trong năm 2021 Công ty không có tình trạng nợ kéo dài và nợ khó đòi không có khả năng thu hồi nợ, thực hiện thanh toán kịp thời các khoản nợ phải trả đối với khách hàng.

2. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

1	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	12.446.504.732
2	Chi phí thuế thu nhập DN	1.900.819.185
3	Lợi nhuận sau thuế	10.545.685.547
4	Quỹ Đầu tư phát triển bổ sung vốn Điều lệ (20% LNST)	2.109.137.109
5	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (30% LNST) Trong đó: - Quỹ khen thưởng: 60% - Quỹ phúc lợi: 40%	3.163.705.664 1.898.223.398 1.265.482.266
6	Trả cổ tức năm 2021 (8,79%/VĐL) Trong đó: - 51% vốn Nhà nước - 49% vốn cổ đông	5.272.842.774 2.689.149.814 2.583.692.959

Quỹ khen thưởng sau khi trừ khoản thưởng theo quy định của Pháp luật về thi đua khen thưởng năm 2021, số tiền còn lại phân chia quỹ khen thưởng cho người quản lý Công ty và CBCNV và người lao động theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Điều 18 thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước

3. Thực hiện chi trả tiền lương và tiền thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký Công ty :

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2021: 91.230 triệu đồng; Trong đó tiền lương của Chủ tịch HĐQT; Ban Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và Trưởng ban Kiểm soát là: 2.450 triệu; tiền lương bộ phận quản lý văn phòng: 13. 588 triệu; tiền lương bộ phận quản lý sản xuất và tiền lương của người lao động là: 75.192 triệu.

3.1. Đơn giá tiền lương thực hiện chi trả theo quy chế quản lý tài chính Công ty, như sau:

3.1.1. Đơn giá tiền lương chi trả Chủ tịch HĐQT; Ban TGD; KTT; Trưởng Ban Kiểm soát: 1,63/1000 đồng doanh thu giá trước thuế;

3.1.2. Đơn giá tiền lương kinh doanh khác, chi trả cho cán bộ quản lý văn phòng và cán bộ quản lý tại các Xí nghiệp, bộ phận có liên quan: 10,56/1000 đồng doanh thu kinh doanh khác;

3.1.3. Đơn giá tiền lương của bộ phận quản lý Văn phòng Công ty, tính 16% trên lương trực tiếp sản xuất;

3.1.4.. Đơn giá tiền lương chi trả cho CBCNV và người lao động trong các Xí nghiệp, Bộ phận trực thuộc Công ty, dựa trên hiệu quả hoạt động kinh doanh để xác định, năm 2021 đơn giá tiền lương thực hiện là: 332.429 đồng/1000 đồng doanh thu

3.2. Quỹ lương năm 2022:

3.2.1. Tiền lương thu nhập của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tại Công ty và các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc và người lao động trong Công ty, căn cứ biên bản liên ngành về việc giám sát các nội dung lao động, tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022 đã được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 3328/UBND-TH ngày 07/04/2022; đồng thời trong quá trình thực hiện HĐQT Công ty sẽ xem xét điều chỉnh (tăng hoặc giảm) trong trường hợp biến động do yếu tố khách quan.

3.2.2. Đơn giá tiền lương năm 2022 (Thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty): Ủy quyền cho HĐQT quyết định xác định đơn giá tiền lương năm 2022, căn cứ doanh thu thực hiện giá trước thuế năm 2022 để xác định đơn giá tiền lương và xác định tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2022. Tổng quỹ lương theo số liệu đã được UBND tỉnh thống nhất số kế hoạch là: 94.016 triệu; tăng 3,05% so với năm 2021, (giảm chi phí tăng quỹ tiền lương)

3.2.3. Về việc phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty

Chi trả thù lao năm 2021:

Tổng số tiền thực chi là: **384.000.000đ** (ba trăm, tám mươi tư triệu đồng chẵn)

STT	Chức danh	Số tiền (đ/ng/tháng)	So với kế hoạch năm 2021
1	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	Chi trả đúng theo
2	Thành viên HĐQT	4.000.000	Nghị quyết Đại hội
3	Trưởng Ban KS	4.000.000	Đồng CĐ thường niên ngày 28/04/2021
4	UV Ban Kiểm soát và thư ký	2.000.000	

4. Kế hoạch phân chia lợi nhuận và chi trả thù lao năm 2022

- Kế hoạch Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức 2022:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	12.500.000.000
1	Lợi nhuận sau thuế	10.591.000.000

2	Quỹ Đầu tư phát triển (20% LNST)	2.118.200.000
3	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (30% LNST) Trong đó: - Quỹ khen thưởng: 60% - Quỹ phúc lợi: 40%	3.177.300.000 1.906.380.000 1.270.920.000
4	Trả cổ tức năm 2022 (8,83%/VDL) Trong đó: - Vốn Nhà nước: 51% - Vốn cổ đông: 49%	5.298.000.000 2.700.705.000 2.594.795.000

- Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký năm 2022:

STT	Chức danh	Số tiền (đ/ng/tháng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	
2	Thành viên HĐQT	4.000.000	
3	Trưởng Ban KS	4.000.000	
4	UV Ban Kiểm soát và thư ký	2.000.000	

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình tài chính và phương án phân phối lợi nhuận và phương án chia cổ tức năm 2021, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 và chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (để thông qua)
- Lưu VT; HĐQT.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN HỒNG SƠN

